TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: **67**/2026/HNGĐ-ST*
Ngày: 08/4/2026
V/v:"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

2. Ông **Nguyễn Thanh Quang**

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Nguyễn Chí Thăng** - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang tham gia phiên tòa*: Bà **Trương Thị Mỹ Tiên** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 435/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Bé H**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp HT 1, xã TL, tỉnh A

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Phạm Hoàng Kh** – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Phạm Hoàng Kh- Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn H1,** sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp HT 1, xã TL, tỉnh A

(Bà H, ông Kh có mặt tại phiên toà, anh H1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé H trình bày:***

Bà Nguyễn Thị Bé H và ông Nguyễn Văn H1 chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2006, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mong Thọ A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật (hiện nay bản gốc giấy chứng nhận kết hôn đã rách nên bà chỉ cung cấp được bản sao). Trong thời gian chung sống bà H và ông H1 có 02 con chung tên Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 20/02/2007 và Nguyễn Huỳnh K, sinh ngày 21/12/2016. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Chung sống đến năm 2019 vợ chồng bà H xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân vì ông H1à thường ăn nhậu bê tha, vợ chồng không còn hòa hợp như trước, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày càng lớn và hôn nhân không H1ạnh phúc vì vậy ông bà đã ly thân từ năm 2019 đến nay.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà H cảm thấy không H1ạnh phúc khi chung sống với nhau, nên bà có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1;

- Về con chung: Đối với người con chung là cháu Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 20/02/2007 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà H yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh K, sinh ngày 21/12/2016, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**** Bị đơn ông Nguyễn Văn H1*** được Tòa án tống đạt đầy đủ các thủ tục đúng theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nhưng ông H1 vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

**** Tại biên bản xác minh ngày 16/12/2025 đối với Ban lãnh đạo ấp ấp Hoà Thuận 1, xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang:***

Ban lãnh đạo ấp Hoà Thuận 1, xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang xác nhận đương sự ông Nguyễn Văn H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Hoà Thuận 1, xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang và hiện tại không có mặt tại địa phương do đi làm ăn nhưng vẫn thường xuyên đi đi về về thăm gia đình.

**** Tại biên bản ngày 16/12/2025 ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên, cháu Nguyễn Huỳnh K trình bày:***

Nếu Toà án giải quyết cho cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu muốn được mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, ông Phạm Hoàng Kh trình bày:***

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé H và cho bà Nguyễn Thị Bé H ly hôn với ông Nguyễn Văn H1, về con chung: giao con là cháu Nguyễn Huỳnh K cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: bà H không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Bé H khởi kiện ông Nguyễn Văn H1 yêu cầu xin ly hôn và nuôi con nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*", bị đơn ông Nguyễn Văn H1 có nơi cư trú tại ấp Hòa Thuận 1, xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Ông Nguyễn Văn H1 chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bé H, Toà án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông H1 vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do đó căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé H và ông Nguyễn Văn H1 chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Mong Thọ A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, do đó quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Bé H và ông Nguyễn Văn H1 là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Nguyễn Thị Bé H trình bày ông bà chung sống đến năm 2019 vợ chồng ông bà xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân vì ông bà không còn hòa hợp như trước vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau thường xuyên cự cải, mâu thuẫn ngày càng lớn hôn nhân không H1ạnh phúc vì vậy ông bà đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Bé H xác định hiện nay không còn tình cảm với ông Nguyễn Văn H1 và kiên quyết xin ly hôn, từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Bé H và ông Nguyễn Văn H1 không có khả năng đoàn tụ, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bé H đối với ông Nguyễn Văn H1 theo quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Trong thời gian chung sống bà Nguyễn Thị Bé H và ông Nguyễn Văn H1 02 con chung gồm: 1/ Cháu Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 20/02/2007, 2/ Cháu Nguyễn Huỳnh K, sinh ngày 21/12/2016. Đối với cháu Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 20/02/2007 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà H yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Huỳnh K, sinh ngày 21/12/2016, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng kể từ khi bà H và ông H1 ly thân năm 2019 đến nay thì cháu K đều do bà H chăm sóc nuôi dưỡng, đồng thời cháu K cũng có nguyện vọng muốn được bà H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu K cho bà H chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bé H xác định trong thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung và cam kết là không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập ông H1 đúng theo quy định pháp luật nhưng ông H1 vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án không tiến hành hoà giải, không tiến hành đối chất được về tài sản chung và nợ chung giữa bà H và ông H1. Do đó, về tài sản chung và nợ

chung Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Bé H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và đình năm 2014; điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bé H về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* với ông Nguyễn Văn H1.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Bé H được ly hôn với ông Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: Đối với con chung là cháu Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 20/02/2007 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh K, sinh ngày 21/12/2016 cho bà H chăm sóc nuôi dưỡng, bà H tự nguyện không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ông H1 được quyền tới lui thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bé H xác định không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bé H phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0010797 ngày 03/12/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - An Giang, bà H không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *VKSND khu vực 3 – An Giang;*
- *THADS tỉnh An Giang;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Danh Phạm Ngọc Khánh